

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin HSBC nâng dự báo tăng trưởng GDP 2022 lên 6.8% với nhận định Việt Nam sẽ thành một trong những nước giàu tiềm năng nhất khu vực

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL diễn biến trái chiều và biến động trong biên độ hẹp trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30

## [Cập nhật công ty]

DXG, VHM

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị chỉ gia tăng vị thế trading khi chỉ số điều chỉnh, test lại hoặc chớm phá vùng đáy ngắn hạn.

16/07/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,299.31	+0.42
VN30	1,438.05	+0.54
HĐTL VN30F1M	1,440.00	+0.69
HNXIndex	307.76	+0.48
HNX30	480.77	+0.05
UPCoM	85.33	+0.41
USD/VND	23,010	-0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.16	+2
Lãi suất qua đêm (%)	0.83	+7
Dầu (WTI, \$)	72.04	+0.54
Vàng (LME, \$)	1,822.68	-0.37



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,299.31 (+0.42%)  
**KLGD (triệu CP)** 465.4 (+13.3%)  
**GTGD (triệu US\$)** 671.8 (+2.1%)

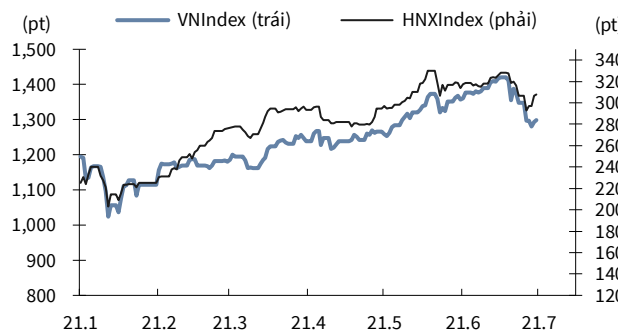
**HNXIndex** 307.76 (+0.48%)  
**KLGD (triệu CP)** 97.6 (-14.0%)  
**GTGD (triệu US\$)** 97.4 (+7.0%)

**UPCoM** 85.33 (+0.41%)  
**KLGD (triệu CP)** 76.3 (+106.8%)  
**GTGD (triệu US\$)** 39.1 (+42.8%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +2.8

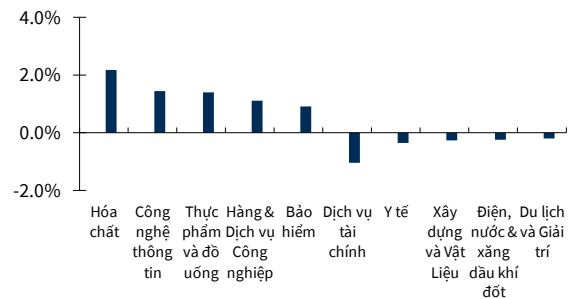
TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin HSBC nâng dự báo tăng trưởng GDP 2022 lên 6.8% với nhận định Việt Nam sẽ thành một trong những nước giàu tiềm năng nhất khu vực. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan 6 tháng đầu năm Việt Nam xuất khẩu phân bón tăng kỷ lục với số lượng đạt 663,073 tấn (+43.8% YoY) và tổng kim ngạch đạt 230 triệu USD (+71.2% YoY), giúp giá cổ phiếu ngành phân đạm tăng ở DPM (+3.1%), DCM (+1.7%). Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA) cho biết ngành mía đường trong nước vẫn đang chịu sự cạnh tranh gay gắt từ đường nhập ngoại giá rẻ mặc dù Việt Nam đã áp thuế phòng vệ thương mại đối với đường nhập khẩu từ Thái Lan, khiến giá cổ phiếu ngành đường giảm ở LSS (-0.6%), QSN (-0.5%). Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC) cho biết thị trường cao su thế giới kém khả quan do chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như gián đoạn về hậu cần, cước phí vận chuyển tăng và thiếu container, sản xuất ô tô chậm lại do thiếu chip và nhu cầu tiêu thụ ô tô giảm, khiến giá cổ phiếu ngành cao su giảm ở DPR (-1.8%), TRC (-1.8%). Khối ngoại mua ròng ở NVL (+0.6%), VIC (+3.7%), MSN (+4.8%).

## VNIndex & HNXIndex



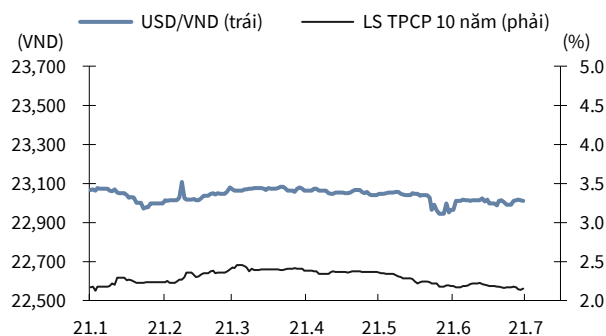
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

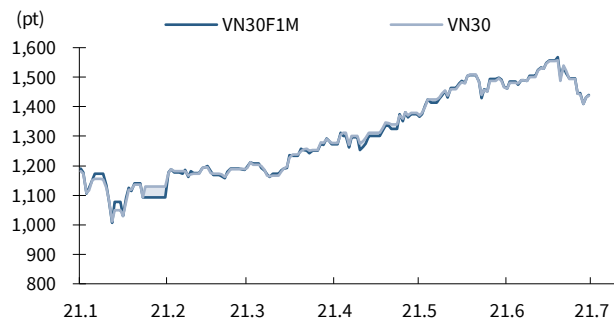
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,438.05 (+0.54%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,440.0 (+0.69%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,435.1</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,449.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,434.2</b>

Các HĐTL diễn biến trái chiều và biến động trong biên độ hẹp trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30. Với việc F2108 tăng mạnh hơn chỉ số cơ sở, chênh lệch dương được nới rộng lên mức 0.61 điểm. Thanh khoản thị trường ở mức trung bình. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng nhẹ ở F2108.

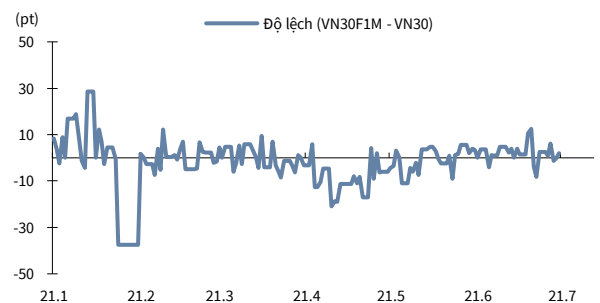
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>252,373 (-8.2%)</b>
------------------	------------------------

## HĐTL VN30F1M & VN30



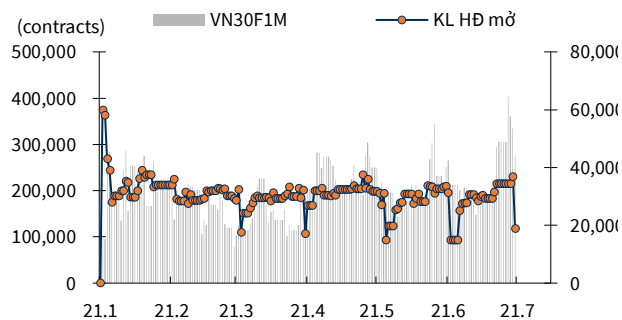
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



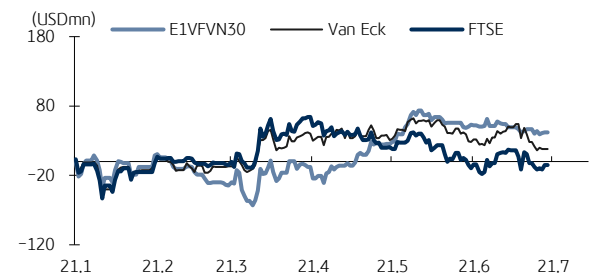
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

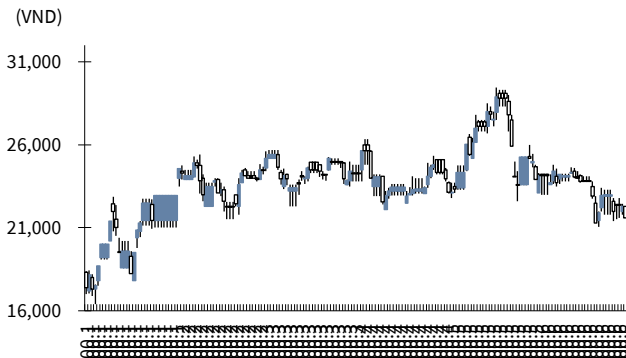
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

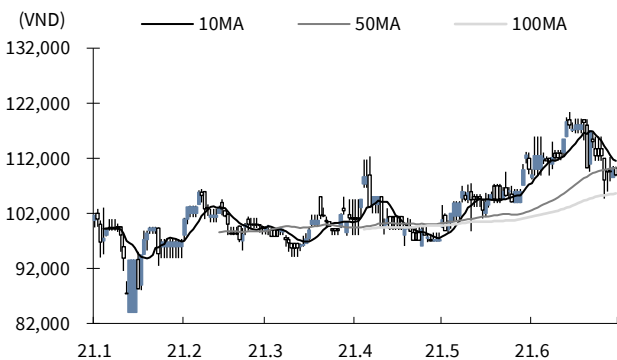
## Đất Xanh (DXG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DXG giảm -3.1% xuống 21,600 VNĐ/cp.
- Đất Xanh thông báo lợi nhuận 6 tháng đầu năm dự kiến đạt 822 tỷ đồng hoàn thành 63% kế hoạch năm 2021. Lợi nhuận chủ yếu đến từ nguồn thu mảng dịch vụ bất động sản từ công ty thành viên Dat Xanh Services và việc bàn giao thành công các sản phẩm tại dự án Opal Boulevard (Bình Dương) và khu đô thị Gem Sky World 92.2ha (Long Thành, Đồng Nai).

## Vinhomes (VHM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VHM giảm -1.2% xuống 109,000 VNĐ/cp.
- Vinhomes đăng ký bán 60 triệu cổ phiếu quỹ tương đương 1,79% vốn điều lệ từ ngày 26/7 đến 24/8. Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận.
- Cuối năm 2021, Vinhomes có kế hoạch mở bán mới 3 dự án gồm Vinhomes Wonder Park 133 ha, Vinhomes Cổ Loa 385 ha và Vinhomes Dream City 460 ha.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex vận động giằng co trên ngưỡng tham chiếu với biên độ hẹp trong cả phiên giao dịch.
- Mặc dù được xem là 1 phiên trung tính nhưng chỉ số đã phần nào phản ánh diễn biến rung lắc khi tiếp cận vùng cản gần quanh 1310. Thanh khoản vẫn duy trì ở mức thấp cho thấy tâm lý thận trọng của cả 2 bên mua bán. Tuy thị trường có thể còn trải qua nhịp rung lắc vào đầu tuần tới nhưng nếu bảo vệ thành công vùng hỗ trợ gần quanh 1285, cơ hội mở rộng nhịp hồi phục ngắn hạn vẫn chiếm ưu thế.
- NĐT được khuyến nghị chỉ gia tăng vị thế trading khi chỉ số điều chỉnh, test lại hoặc chớm phá vùng đáy ngắn hạn.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1454 - 1459

Kháng cự gần: 1442 - 1444

Hỗ trợ gần: 1431 - 1433

Hỗ trợ xa: 1418 - 1423

- F1 có xu hướng hồi phục nhẹ trong phiên trước khi đánh mất xung lực tăng về cuối phiên.
- Chỉ số có thể sẽ còn trải qua diễn biến rung lắc mạnh hơn trong phiên đầu tuần tới nhưng chừng nào còn giữ được vùng hỗ trợ gần tại quanh 1420, cơ hội mở rộng nhịp hồi phục sau đó vẫn đang có phần chiếm ưu thế.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế LONG tại các nhịp điều chỉnh về lại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế Long đã mở, chỉ STOP nếu đánh mất vùng hỗ trợ xa.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

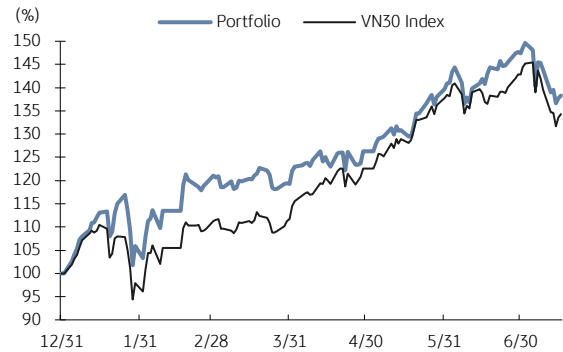
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.54%	0.44%
Tăng lũy kế (YTD)	34.30%	38.33%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 16/07/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	168,100	0.6%	43.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	37,200	1.4%	51.3%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	96,000	0.9%	25.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	29,100	-0.7%	129.2%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	51,900	1.4%	50.3%	- Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	86,800	1.6%	192.7%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	34,650	-1.0%	78.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	90,000	-0.6%	24.4%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	46,750	0.5%	210.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	32,700	0.2%	133.6%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	3.3%	26.7%	96.7
SSI	5.3%	48.1%	83.7
STB	5.1%	13.9%	58.8
VNM	0.2%	55.1%	44.8
GEX	5.5%	11.4%	41.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VIC	-1.0%	15.8%	-64.4
VJC	-1.9%	18.4%	-57.0
KDH	-1.2%	33.2%	-39.3
VRE	-0.9%	30.6%	-35.8
PDR	-0.3%	4.1%	-34.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TDN	0.0%	1.7%	0.9
S99	1.8%	0.9%	0.7
MBG	-0.8%	0.6%	0.6
HVT	0.0%	1.7%	0.2
MBG	-3.1%	0.6%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VND	-0.7%	16.4%	-3.6
SHB	2.9%	4.0%	-2.5
NDN	-1.7%	0.8%	-0.6
BSI	-1.4%	2.0%	-0.4
DXS	3.5%	N/A	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	0.9%	PLX, PVD
Thực phẩm và đồ uống	-0.1%	MSN, SBT
Xây dựng và Vật Liệu	-0.6%	VCG, SII
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.6%	LGC, GMD
Hóa chất	-1.0%	DPM, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	-6.7%	VCB, TCB
Hàng cá nhân & Gia dụng	-5.4%	PNJ, TCM
Truyền thông	-4.2%	YEG, ADG
Bán lẻ	-4.2%	MWG, DGW
Bảo hiểm	-3.9%	BVH, MIG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	16.1%	MWG, FRT
Công nghệ thông tin	3.6%	FPT, SGT
Dịch vụ tài chính	0.4%	SSI, HCM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.9%	GAS, PPC
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.2%	STK, PNJ

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-13.1%	BVH, BIC
Truyền thông	-12.2%	YEG, ADG
Tài nguyên Cơ bản	-9.4%	HPG, HSG
Ô tô và phụ tùng	-8.4%	TCH, HAX
Dầu khí	-8.0%	PVD, PLX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	239,705 (10.4)	22.5	61.1	56.7	14.7	6.8	8.2	4.0	3.7	3.7	-2.6	-	11.2	-2.2
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	487,560 (21.2)	26.6	11.6	10.3	35.9	31.5	27.5	3.1	2.5	-1.2	-3.1	-0.9		21.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	129,944 (5.6)	17.8	22.5	18.3	-7.6	8.8	10.1	2.0	1.8	-1.1	-1.1	15.5		-11.8
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	380,140 (16.5)	31.3	28.3	31.1	6.7	16.2	13.0	4.5	4.4	0.6	1.1	1.1		117.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	86,355 (3.8)	11.6	19.1	14.1	18.0	14.2	17.0	2.5	2.1	1.7	1.0	0.1		38.7
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	162,501 (7.1)	13.9	8.4	7.6	-	19.1	18.2	1.5	1.2	-3.1	-6.1	-9.6		35.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	223,102 (9.7)	6.3	16.6	14.0	11.7	22.2	21.5	3.2	2.7	0.0	-6.6	-1.4		4.7
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	162,123 (7.0)	12.7	18.1	13.2	-5.3	12.0	14.6	1.9	1.6	-0.5	-5.3	-6.2		-11.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	1,255,585 (54.6)	0.0	11.1	9.5	14.3	19.9	19.2	2.0	1.7	-1.0	-8.8	1.8		63.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	897,930 (39.0)	1.4	8.9	7.8	61.1	20.1	19.6	1.5	1.3	-1.0	-7.8	11.4		29.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	1,366,918 (59.4)	0.0	11.4	10.8	18.8	25.5	18.5	2.1	1.8	0.8	-6.3	-3.4		98.5
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	915,147 (39.8)	0.0	9.9	8.5	14.6	21.4	20.7	1.8	1.5	-0.7	-6.1	1.5		72.4
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	147,569 (6.4)	4.2	9.7	8.1	23.3	21.3	20.2	1.8	1.5	0.8	-4.4	-1.0		40.8
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	882,684 (38.4)	14.0	21.9	16.7	26.5	8.9	11.8	1.7	1.5	-1.2	-2.2	-2.6		68.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	177,166 (7.7)	0.0	7.9	6.7	37.5	23.0	21.4	1.6	1.3	0.6	-8.4	-4.8		26.5
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	16,337 (0.7)	0.2	39.1	21.2	27.3	5.8	10.0	1.9	1.8	-0.4	-6.6	-7.2		40.3	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	75,389 (3.3)	21.0	22.1	19.6	15.2	8.4	9.0	1.8	1.7	1.0	-4.0	15.4		-22.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	20,414 (0.9)	14.2	17.9	14.1	9.1	9.7	11.7	1.5	1.4	-0.9	-3.2	5.1		24.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	712,792 (31.0)	55.4	26.3	21.4	-3.2	14.1	14.5	3.9	3.6	-1.7	0.4	6.9		59.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	182,759 (7.9)	71.9	15.9	12.5	-4.0	22.8	25.3	3.4	2.9	-1.7	-5.3	5.8		79.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	294,190 (12.8)	52.4	19.1	14.5	-19.0	20.5	21.4	3.2	2.9	-0.8	-0.6	7.4		52.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	289,746 (12.6)	27.2	15.5	14.6	36.3	21.3	17.0	2.6	2.3	-0.7	-2.2	-4.2		117.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	283,689 (12.3)	42.1	17.5	16.4	4.0	33.9	34.5	5.4	5.1	0.8	-1.3	-6.4		-21.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	22,727 (1.0)	36.9	20.6	17.9	7.3	23.2	23.6	4.3	3.9	-1.2	-1.3	-6.5		-19.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	177,791 (7.7)	16.5	51.3	29.7	-51.9	12.9	17.9	6.9	5.6	4.8	3.1	15.6		35.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	127,471 (5.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.1	-4.7	19.8		-39.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	74,456 (3.2)	11.0	153.9	23.6	-88.5	3.8	16.6	3.4	2.8	0.5	-2.9	-0.9		-7.7
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	111,833 (4.9)	10.8	24.5	17.0	-57.0	8.7	12.1	1.9	1.8	2.0	3.0	-2.4		26.4
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	48,733 (2.1)	38.4	12.5	7.6	65.7	6.5	9.9	0.9	0.9	1.6	-7.0	14.9		-25.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	108,539 (4.7)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-4.4	-3.1	25.0		98.8
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	143,468 (6.2)	37.7	15.6	10.9	-12.7	12.7	13.8	-	-	-1.3	-3.3	-2.4		22.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	21,569 (0.9)	3.6	13.6	12.1	-52.4	4.0	4.4	0.5	0.5	-0.5	-5.6	-4.3		-22.5
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	36,874 (1.6)	0.0	8.9	7.2	-4.5	13.4	15.2	1.1	1.1	1.4	-1.9	-8.8		6.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	102,455 (4.5)	46.1	17.0	15.5	-17.5	20.0	20.4	3.2	3.0	-0.6	-1.9	-2.1	3.9	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	8,322 (0.4)	31.4	13.0	8.7	-10.5	10.2	15.3	1.3	1.3	-0.3	-1.3	-7.9	-22.2	
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	7,074 (0.3)	34.1	9.5	9.5	-5.1	12.2	13.4	1.2	1.2	0.0	-5.1	-2.1	-3.9	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,540,472 (67.0)	18.0	7.5	7.1	21.9	42.3	28.9	2.3	1.8	0.5	-1.2	-9.7	52.3	
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	57,267 (2.5)	36.5	9.7	13.2	-0.5	11.0	7.8	1.0	0.9	3.1	4.4	0.0	13.3	
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	75,267 (3.3)	46.5	15.5	16.0	-4.5	10.1	9.1	1.5	1.4	1.7	2.6	11.2	25.0	
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	467,264 (20.3)	38.9	5.2	6.8	67.9	43.0	23.9	1.9	1.4	-1.4	0.1	-	12.3	76.3
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	242,732 (10.6)	97.2	10.1	10.9	17.2	10.5	11.0	0.9	1.0	-1.3	-2.2	-	12.0	9.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	133,312 (5.8)	4.6	18.8	15.6	-51.0	15.7	16.7	2.6	2.6	0.4	0.6	-8.8	-6.4	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	163,293 (7.1)	39.9	42.0	17.6	-11.9	1.4	3.5	0.6	0.5	-1.3	3.5	-	16.4	18.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	93,928 (4.1)	35.9	8.5	8.1	1.2	13.6	13.4	1.2	1.1	-1.6	4.3	-	12.6	31.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	150,680 (6.5)	0.0	15.4	12.8	13.7	26.7	27.0	4.0	3.2	0.6	-4.8	22.7	41.4	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	65,227 (2.8)	0.0	16.4	13.0	2.4	24.1	23.8	3.5	2.9	0.9	-9.0	0.9	18.5	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,368 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.6	-8.9	24.0	-64.6	
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	54,181 (2.4)	30.3	22.8	15.9	-75.2	8.5	11.8	1.9	1.8	3.1	4.5	10.9	-5.0	
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	48,088 (2.1)	34.6	7.8	11.0	41.2	26.2	19.9	1.9	2.0	0.6	-2.6	-	12.7	-21.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,568 (0.1)	45.4	16.3	15.0	10.7	20.5	20.7	3.1	2.8	0.0	-1.4	-3.2	-11.5	
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	076 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	0.0	2.1	9.8	
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	238,563 (10.4)	0.0	19.7	16.2	15.6	25.6	26.4	4.3	3.8	1.6	-3.2	4.5	68.9	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656  
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276  
Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)  
Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.